

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho ông Nguyễn Tuấn K nhưng ông K từ chối nhận văn bản của Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Nguyễn Tuấn K. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông K có nơi cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 06/8/2004. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên cha mẹ có hàn gắn nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã ly thân gần 10 năm nay. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 31/5/2022 của bà H được chính quyền địa phương xác nhận. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có mở phiên hòa giải để ông bà có cơ hội gặp nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông K từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông K.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Sơn Ngân – sinh ngày 22/7/2004. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngân, xét thấy cháu Ngân đang ở ổn định với bà H nên cần giao cháu Ngân cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, do bà H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà H đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tuấn K.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị H về việc ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K

Về hôn nhân: bà Dương Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn K

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Sơn Ngân – sinh ngày 22/7/2004 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông K không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/7/2021 bà H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011691 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi